

LỰA CHỌN BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA CÁC MÔN THỂ THAO CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT - ĐẠI HỌC HUẾ

Phạm Đức Thanh*, Nguyễn Văn Lợi*, Trần Hữu Nam*
Trần Vương Phương Loan*, Nguyễn Thị Mùi*

ABSTRACT

Using scientific research methods of Physical Education and Sports, the topic has proposed measures to improve the effectiveness of extracurricular activities of students of Faculty of Physical Education, Hue University. Since then, the topic has evaluated the feasibility of measures to organize extracurricular sports activities to improve the effectiveness of extracurricular sports activities of students of Faculty of Physical Education - University.

Keywords: Sports; Extracurricular; General education; University.

Received: 20/01/2022; **Accepted:** 25/01/2022; **Published:** 08/02/2022

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây đã có một số tác giả quan tâm nghiên cứu về vấn đề tổ chức hoạt động thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa cho SV như: Trần Thùy Linh, Nguyễn Duy Quyết, Trần Thanh Tùng, Vũ Đăng Dũng, Lương Phúc Thành... Kết quả nghiên cứu của các tác giả này đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác TDTT ngoại khóa cho SV, nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu và áp dụng cho SV Khoa Giáo dục Thể chất, Đại học Huế (GDTC – ĐHH). Trong khi đó, hoạt động TDTT ngoại khóa của SV diễn ra một cách tự phát, không có tổ chức nên hiệu quả rất thấp. Vì vậy, để lựa chọn những biện pháp nâng cao hiệu quả góp phần phát triển thể lực cho SV Khoa GDTC - ĐHH phù hợp với đối tượng nghiên cứu cũng như điều kiện cơ sở vật chất của Khoa GDTC, nhóm tác giả đã tiến hành nghiên cứu đề tài “*Lựa chọn biện pháp nâng cao hiệu quả trong hoạt động ngoại khóa các môn thể thao của SV Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế*”.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đề xuất Biện pháp nâng cao hiệu quả trong hoạt động ngoại khóa các môn Thể thao của SV Khoa GDTC - Đại học Huế

2.1.1. Phát huy vai trò của tổ chức lớp và tổ chức Đoàn trong việc giáo dục, động viên SV tham gia hoạt động ngoại khóa.

- **Mục đích của biện pháp:** Tích cực tham gia quá

trình tập luyện ngoại khóa của SV có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao thành tích, kết quả học tập. Vì vậy việc giáo dục, động viên SV tích cực hoạt động ngoại khóa (HĐNK) tại cơ sở để duy trì lâu dài.

- **Nội dung biện pháp:** Là quá trình phát huy vai trò của tổ chức lớp, tổ chức Đoàn trong việc tập hợp SV cùng phấn đấu học tập. Lồng ghép nội dung, động viên, khích lệ SV, đoàn thể tích cực tự học, tự rèn luyện vào các nội dung hoạt động của tập thể lớp, tập thể chi đoàn. Là quá trình kế hoạch hóa hoạt động tự học của SV theo nhóm, tổ.

- **Tổ chức triển khai biện pháp:** Tổ chức lớp, tổ chức Đoàn có trách nhiệm tuyên truyền, nâng cao nhận thức của SV tự giác tham gia HĐNK các môn Thể thao. Tổ chức các hoạt động Thể thao ngoại khóa nhằm thu hút và khuyến khích SV tích cực tham gia tập luyện. Đề ra nhiệm vụ, có kế hoạch hoạt động cụ thể ban hành xuống từng lớp, phổ biến tới GV chủ nhiệm, lớp trưởng để từ đó lên kế hoạch triển khai thực hiện, giải quyết nhiệm vụ.

2.1.2. Mở rộng các hình thức tổ chức tập luyện ngoại khóa để SV có nhiều điều kiện lựa chọn tập luyện

- **Mục đích biện pháp:** Làm đa dạng, phong phú các hình thức tập luyện ngoại khóa, đáp ứng theo yêu cầu và sở thích của từng người nhằm thu hút tối đa SV tham gia tích cực tập luyện.

- **Nội dung biện pháp:** Nhằm củng cố và hoàn thiện các bài tập chính khóa, tạo thói quen rèn luyện thân thể, làm cho đời sống tinh thần phong phú, nâng

* ThS. Khoa Giáo dục Thể chất - Đại học Huế

cao sức khỏe, phát triển thể chất cho SV. Làm cơ sở cho việc nâng cao kết quả học tập của SV.

- **Tổ chức triển khai biện pháp:** Tất cả mọi SV đều được tham gia vào các hoạt động phong trào ngoại khóa ngoài chương trình chính khóa. Ban chủ nhiệm Khoa và tập thể thầy cô giáo chủ động nâng cao yêu cầu chất lượng đào tạo, yêu cầu kiểm tra đánh giá. Đây là động lực vừa mang tính pháp lý, vừa là động lực tự thân để kích thích SV tự học, chủ động tham gia ngoại khóa. Xây dựng hình thành câu lạc bộ TĐTT. Lòng ghép các hình thức thi đấu, giao lưu, thi đấu dã ngoại để thu hút và động viên SV.

2.1.3. *Tạo điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ cho hoạt động ngoại khóa.*

- **Mục đích biện pháp:** Tạo điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ cho HDNK của SV là nội dung hết sức thực tế và có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động Thể thao ngoại khóa. Là điều kiện thuận lợi để SV đạt kết quả tập luyện tốt nhất trong quá trình ngoại khóa, rèn luyện KNKX vận động. Đồng thời cũng là một trong các yếu tố góp phần thu hút được số lượng đông đảo SV tham gia tích cực các phong trào HDNK.

- **Nội dung biện pháp:** Xây dựng kế hoạch sử dụng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động ngoại khóa của SV. Sắp xếp thời khóa biểu theo hướng: Tạo thời gian thuận lợi để SV chủ động lập kế hoạch tập luyện ngoại khóa; tạo quang trống về thời gian sử dụng cơ sở vật chất để SV có thể tận dụng tập luyện.

- **Tổ chức triển khai biện pháp:** Tổng hợp, trung cầu ý kiến từ phía SV, cán sự lớp, GV chủ nhiệm và GV bộ môn... về nhu cầu cần đáp ứng và được giúp đỡ trong quá trình tham gia tập luyện ngoại khóa các môn thể thao. Trên cơ sở đó nắm bắt tình hình, để có biện pháp triển khai tạo điều kiện tốt nhất giải quyết nhu cầu của SV. Sắp xếp lịch, thời gian cụ thể cho phép SV tham gia các HDNK sao cho hợp lý nhất. Giáo dục ý thức cho SV khi tham gia tập luyện ngoại khóa, khi đã được tạo điều kiện thì phải biết cách bảo vệ tài sản chung, giữ gìn và bảo quản cẩn thận.

2.1.4. *Tạo điều kiện cho SV năm thứ 3, 4 làm trợ giảng trong các giờ học của lớp không chuyên dưới (một dạng thực tập sư phạm)*

- **Mục đích biện pháp:** Giúp SV có điều kiện được tiếp xúc trực tiếp với hoạt động liên quan đến nghề nghiệp của mình sau này. Bên cạnh đó còn giúp SV củng cố, mở rộng và nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, rèn luyện KNKX vận động và học hỏi, tích lũy kinh nghiệm từ phía các thầy cô.

- **Nội dung biện pháp:** Nhằm tạo ra cầu nối, giữa lý luận đào tạo nghề với thực tiễn giáo dục, hình thành

và phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp cần thiết của SV theo mục tiêu đào tạo.

Xây dựng kế hoạch, sắp xếp thời gian hợp lý để SV có điều kiện tham gia công tác trợ giảng trên lớp.

- **Tổ chức triển khai biện pháp:** Ban chủ nhiệm Khoa xây dựng kế hoạch, chia SV thành các cặp, nhóm, phân công nhiệm vụ, công tác trợ giảng và có danh sách GV chuyên môn hướng dẫn kèm theo. Giúp SV có điều kiện rèn luyện và học hỏi kinh nghiệm. Tổ chức các giờ giảng mẫu, có kế hoạch cho SV đi dự giờ để học cách lên lớp, và phương pháp truyền tải nội dung bài học tới SV.

2.2. **Đánh giá tính khả thi và cấp thiết của các biện pháp nâng cao hoạt động ngoại khóa các môn Thể thao của SV Khoa GDTC - Đại học Huế**

2.2.1. *Đánh giá từ phía giảng viên*

Đề tài tiến hành phỏng vấn 21 GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn để đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp. Kết quả này thu được những đánh giá khách quan về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp:

- Về biện pháp phát huy vai trò của tổ chức lớp và tổ chức đoàn trong giáo dục động viên SV tích cực hoạt động ngoại khóa, có 76,2% cho rằng đây là biện pháp rất cần thiết thực hiện, 85,7% đánh giá tính khả thi rất cao và có 0% cho rằng biện pháp không khả thi hoặc không cần thiết.

- Về biện pháp mở rộng các hình thức tổ chức tập luyện ngoại khóa để SV có nhiều điều kiện lựa chọn tập luyện, có 90,5% đánh giá ở mức độ rất cần thiết, 95,2% đánh giá rất khả thi, không có ai đánh giá ở mức độ không khả thi, không cần thiết.

- Về biện pháp tạo điều kiện cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ cho hoạt động ngoại khóa, có 95,2% cho rằng đây là biện pháp rất cần thiết, 90,5% đánh giá biện pháp rất khả thi, không có ai đánh giá ở mức độ không cần thiết hay không khả thi.

- Về biện pháp tạo điều kiện cho SV năm thứ 3, 4 làm trợ giảng trong các giờ học của lớp dưới (một dạng thực tập sư phạm), có 85,7% cho rằng đây là biện pháp rất cần thiết và có tới 81,0% đánh giá biện pháp là rất khả thi. Qua đây có thể nhận thấy được hiệu quả mà biện pháp đem lại, do vậy cần có kế hoạch triển khai, phát triển biện pháp.

2.2.2. *Đánh giá từ phía SV*

Khi đề xuất biện pháp nâng cao tính tích cực trong HDNK các môn Thể thao của SV Khoa GDTC trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, đề tài tiến hành phỏng vấn 1125 SV của Khoa nhằm đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi của biện pháp. Kết quả này thu được những đánh giá khách quan về tính cấp thiết và tính

khả thi của các biện pháp:

- Về biện pháp phát huy vai trò của tổ chức lớp và tổ chức đoàn trong giáo dục động viên SV tích cực hoạt động ngoại khóa, có 90,4% cho rằng đây là biện pháp rất cần thiết thực hiện, 92,0% SV đánh giá tính khả thi rất cao và có 0% SV cho rằng biện pháp không khả thi hoặc không cần thiết. Từ đó, có thể khẳng định, biện pháp trên được SV coi trọng và đánh giá cao về tính cấp thiết và khả thi.

- Về biện pháp mở rộng các hình thức tổ chức tập luyện ngoại khóa để SV có nhiều điều kiện lựa chọn tập luyện, có 94,4% SV đánh giá ở mức độ rất cần thiết, 92,8% SV đánh giá rất khả thi, không có ai đánh giá ở mức độ không khả thi, không cần thiết. Kết quả này cho thấy, SV đánh giá cao biện pháp này vì vậy khi mở rộng các hình thức tổ chức tập luyện ngoại khóa sẽ thu hút được đông đảo SV tham gia.

- Về biện pháp tạo điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ cho hoạt động ngoại khóa, có 93,6% tỷ lệ SV cho rằng đây là biện pháp rất cần thiết, 95,2% SV đánh giá biện pháp rất khả thi, không có SV nào đánh giá ở mức độ không cần thiết hay không khả thi.

- Về biện pháp tạo điều kiện cho SV năm thứ 3, 4 làm trợ giảng trong các giờ học của lớp dưới (một

dạng thực tập sư phạm), có 96,8% SV cho rằng đây là biện pháp rất cần thiết và có tới 97,4% tỷ lệ SV đánh giá biện pháp là rất khả thi.

Qua đây có thể nhận thấy được hiệu quả mà biện pháp đem lại, do vậy cần có kế hoạch triển khai, phát triển biện pháp.

3. Kết luận

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, đề tài đã lựa chọn và xây dựng được 4 biện pháp nhằm nâng cao tính hiệu trong HDNK các môn Thể thao của SV Khoa GDTC - ĐHH.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Đình Bẩm, Đặng Đình Minh (1998), *Giáo trình quản lý TDTT (dùng cho SV Đại học TDTT)*, NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.

2. Hướng dẫn thực hiện chương trình GDTC trong các trường Đại học và Cao đẳng theo quy trình đào tạo mới số 904 ĐH 17/02/1994.

3. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Lưu Quang Hiệp, Phạm Ngọc Viễn (2006), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT*. NXB Thể dục Thể thao, Hà Nội.

PHÓ TỪ “就” VÀ “才” TRONG DẠY HỌC... (tiếp theo trang 109)

PT “就” hoặc “才” khi kết hợp với liên từ trong câu mang tính tương hỗ hỗ trợ lẫn nhau:

Ví dụ: - 才…….就……. —……
 …才……. ; —……就…….

PT “就” hoặc “才” khi kết hợp và sử dụng với liên từ thể hiện trong câu phức chính phụ.

Ví dụ: 如果…….就……. 除非……
 …才……; 只要…….就……

2.3.4. Khi “就” và “才” biểu thị phạm vi.

Ví dụ: (10) A: 小王才喜欢韩语。 B: 小王就喜欢韩语。

Dựa vào ví dụ nêu trên ta thấy được PT “就” và “才” biểu thị một phạm vi nhất định. Về câu nói của người A cho chúng ta thấy rằng ý nghĩa của nó là: “trong phạm vi của người nói thì 小王 thích tiếng Hàn nhất”. Còn câu nói của người B lại làm cho người ta thấy rằng: “Trong phạm vi của các ngôn ngữ thì 小王 thích tiếng Hàn nhất.”

Nếu viết như sau thì “就” và “才” sẽ có ý nghĩa như nhau: “就小王喜欢韩语。” Hoặc “小王才喜欢韩语。”

2.3.5. Khi “就” và “才” biểu thị ngữ khí.

Ví dụ: (11)A: 你才回呀?! B: 你就回了?!

Ở ví dụ (11) chúng ta đều thấy “就” và “才” biểu

thị một khẩu khí của người nói với người nghe. Với người A ta thấy từ “才” mang đến cảm giác người nói đang mang ý than phiền, còn với từ “就” thì lại mang ý kinh ngạc.

3. Kết Luận

Các hình thức và cấu trúc NP đều dựa trên ý nghĩa và sự thể hiện của NP trong câu, nhưng Hư từ lại là cách biểu đạt quan trọng nhất của ý nghĩa NP. PT “就” và “才” có đầy đủ các yếu tố như vừa nêu, hai PT này đều kết hợp và không thể tách rời với các cấu trúc NP từ khó tới dễ. Trên thực tế hai PT này còn tồn tại nhiều hơn nữa các điểm tương phản dựa vào ngữ cảnh và ngữ nghĩa mà cấu trúc NP mang lại. Bài viết này mang lại cho chúng ta một góc nhìn về cách giảng dạy và vận dụng hai PT “就” và “才” một cách toàn diện và dễ hiểu.

Tài liệu tham khảo

[1] 张谊生, 多功能副词 “才” 的综合研究 / 现代汉语副词研究. 学林出版社, 2000.

[2] 杨小璐, 现代汉语 “才” 与 “就” 的母语习得. 现代外语, 2000.

[3] 卢福波, 对外汉语教学实用语法. 北京语言大学出版社 2019.